

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(đã được soát xét)



Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô

Tầng 2, tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 35

1
C
INH
SK
A
K

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô

Tầng 2, tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam) là Công ty Cổ phần được thành lập theo nghị quyết số 1771/NQ-DKVN ngày 08/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103017950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Phan Minh Tâm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Khánh Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đông	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Minh Tâm	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Giám đốc
Ông Ngô Duy Chính	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Phan Minh Tâm (Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Tâm	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải Hà	Thành viên
Bà Đỗ Nguyễn Lan Châu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô

Tầng 2, tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc


Phan Minh Tâm

Phan Minh Tâm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 190324.025/BCTC.KT5 ngày 19/03/2024 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu, phải trả, vốn góp đầu tư và giá trị thuần có thể thực hiện được của một số công trình xây lắp. Các vấn đề này vẫn chưa được Công ty xử lý, khắc phục do đó chúng tôi tiếp tục đưa kết luận ngoại trừ đối với Báo cáo soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, cụ thể như sau:



Chúng tôi chưa thu thập được các thư xác nhận đối với số dư các khoản công nợ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2024 và 30/06/2024 với giá trị lần lượt là 14,25 tỷ VND và 17,99 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2024 và 30/06/2024 với giá trị lần lượt là: 15,51 tỷ VND và 17,77 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 30/06/2024 là 15,43 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.

Chúng tôi không đánh giá được tính chính xác của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá trị thuần có thể thực hiện được, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập đối với các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện sông Hậu 1, chung cư Trần Anh - Long An. Giá trị dở dang của 03 công trình này đang được theo dõi trên chỉ tiêu "Hàng tồn kho" của Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 01/01/2024 và 30/06/2024 với giá trị lần lượt là 57,97 tỷ VND và 57,41 tỷ VND (xem thuyết minh 9).

Chúng tôi không xác định được khả năng thu hồi và khoản dự phòng cần trích lập đối với khoản vốn góp đầu tư vào dự án Dolphin Plaza. Khoản vốn góp này đang được theo dõi trên chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2024 và 30/06/2024 với giá trị lần lượt là 27,2 tỷ VND và 26,2 tỷ VND (xem thuyết minh 14).

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.


Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC


Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		218.728.321.820	224.043.521.677
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.793.442.713	13.309.281.875
111	1. Tiền		5.793.442.713	2.809.281.875
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.000.000.000	10.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	31.000.000.000	44.073.589.041
121	1. Chứng khoán kinh doanh		300.000.000	300.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.700.000.000	43.773.589.041
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		96.601.785.145	95.516.097.019
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	66.070.240.135	64.007.094.387
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	18.389.627.468	18.361.143.468
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	25.665.430.070	32.475.022.996
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.523.512.528)	(19.327.163.832)
140	IV. Hàng tồn kho	9	66.761.101.528	65.546.655.556
141	1. Hàng tồn kho		66.761.101.528	65.546.655.556
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.571.992.434	5.597.898.186
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	199.610.636	74.799.557
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.287.336.998	5.438.053.829
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	85.044.800	85.044.800
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		102.093.630.113	85.899.415.711
220	I. Tài sản cố định		12.719.340.844	13.025.141.858
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	12.719.340.844	13.025.141.858
222	- Nguyên giá		25.208.916.667	25.439.546.297
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.489.575.823)	(12.414.404.439)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		140.846.000	140.846.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(140.846.000)	(140.846.000)
230	II. Bất động sản đầu tư	13	41.257.386.913	23.560.520.116
231	- Nguyên giá		46.492.989.997	28.512.564.408
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.235.603.084)	(4.952.044.292)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	21.121.659.581	21.108.260.322
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		48.428.000.000	48.428.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(27.306.340.419)	(27.319.739.678)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		26.995.242.775	28.205.493.415
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	761.938.335	972.188.975
268	2. Tài sản dài hạn khác	14	26.233.304.440	27.233.304.440
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		320.821.951.933	309.942.937.388

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		98.561.216.618	88.097.431.961
310	I. Nợ ngắn hạn		98.561.216.618	88.097.431.961
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	30.741.638.328	26.313.103.760
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	11.345.152.484	6.329.410.934
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	11.727.166	67.401.674
314	4. Phải trả người lao động		2.538.337.240	2.863.235.489
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	4.737.327.255	5.274.748.635
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		45.454.545	55.454.545
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	49.141.579.600	46.814.015.034
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	-	380.061.890
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		222.260.735.315	221.845.505.427
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	222.260.735.315	221.845.505.427
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		500.000.000.000	500.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		500.000.000.000	500.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.344.727.377	18.344.727.377
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(296.083.992.062)	(296.499.221.950)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(296.499.221.950)	(296.644.862.060)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		415.229.888	145.640.110
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		320.821.951.933	309.942.937.388



Lê Thị Nguyên
Người lập biểu



Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng





Phan Minh Tâm
Giám đốc


Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	9.112.939.177	10.067.296.960
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.112.939.177	10.067.296.960
11	3. Giá vốn hàng bán	24	10.249.835.273	10.142.890.323
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.136.896.096)	(75.593.363)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1.007.036.030	2.216.292.260
22	6. Chi phí tài chính	26	(11.674.923)	4.953.825
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.724.336	4.953.825
25	7. Chi phí bán hàng	27	18.066.600	133.514.581
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(476.990.847)	4.643.349.266
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		340.739.104	(2.641.118.775)
31	10. Thu nhập khác	29	90.929.173	88.023.838
32	11. Chi phí khác	30	16.438.389	32.515.854
40	12. Lợi nhuận khác		74.490.784	55.507.984
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		415.229.888	(2.585.610.791)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>415.229.888</u>	<u>(2.585.610.791)</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	8	(52)


Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu



Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng



Phan Minh Tâm
Giám đốc

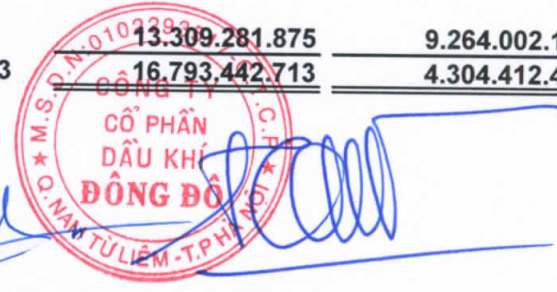
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		415.229.888	(2.585.610.791)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		766.605.176	808.377.236
03	- Các khoản dự phòng		(5.817.050.563)	(500.000.000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.097.945.121)	(2.216.292.260)
06	- Chi phí lãi vay		1.724.336	4.953.825
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.731.436.284)	(4.488.571.990)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.034.103.507	(481.051.668)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		828.679.028	4.805.658.185
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		10.843.846.547	(6.124.083.414)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		85.439.561	(918.280.816)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.724.336)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.058.908.023	(7.206.329.703)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(20.200.795.959)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		90.909.091	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		13.073.589.041	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.841.612.532	1.477.002.273
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.194.685.295)	1.477.002.273
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	769.737.695
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(380.061.890)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(380.061.890)	769.737.695
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.484.160.838	(4.959.589.735)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.309.281.875	9.264.002.143
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	16.793.442.713	4.304.412.408


Lê Thị Nguyên
Người lập biểu


Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng


Phan Minh Tâm
Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam) là Công ty Cổ phần được thành lập theo nghị quyết số 1771/NQ-DKVN ngày 08/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103017950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ đồng); tương đương 50.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 38 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 32 người).

Lĩnh vực kinh doanh Kinh doanh bất động sản, tư vấn xây lắp các công trình.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là :

- Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ cho các công trình xây dựng, trang thiết bị nội, ngoại thất, cấp thoát nước, môi trường, hạ tầng kỹ thuật hạ tầng cơ sở;
- Lập dự án đầu tư, xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao;
- Tư vấn xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, môi trường (không bao gồm các dịch vụ thiết kế công trình);
- Tổng thầu EPC các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, môi trường;
- Ủy thác và nhận ủy thác đầu tư;
- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Mua bán, xuất nhập khẩu khoáng sản, vật tư, thiết bị, nguyên phụ liệu và các hoạt động khác phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh điện năng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty đã có sự cải thiện hơn, Công ty đã trúng thầu thi công các hạng mục công trình ngã 3 Bưu điện đi bờ sông Bưởi, Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình.

Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty có các khoản nợ phải trả nhà cung cấp đã quá hạn thanh toán số tiền 23,9 tỷ VND; phải trả tiền cổ tức chưa trả số tiền 44,3 tỷ VND, doanh thu kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 giảm 954 triệu VND so cùng kỳ năm 2023, lỗ lũy kế trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty là 296,1 tỷ VND. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục vì lý do sau:

- Trong kỳ, Công ty đã thu hồi thêm được 5,8 tỷ VND công nợ của Công ty Cổ phần Hasky và đã đưa ra phương án thu hồi hết khoản nợ này trong thời gian sắp tới.
- Trong kỳ công ty trúng thầu và nghiệm thu được dự án mới (hạng mục công trình ngã 3 Bưu điện đi bờ sông Bưởi, Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình).

- Công ty có phương hướng kinh doanh mới là đầu tư kinh doanh bất động sản tại thôn 6, xã Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Trong kỳ công ty thành công trở thành nhà phân phối chính thức của Công ty TNHH GCP Việt Nam về việc cung cấp vật liệu chống thấm.
- Công ty cũng đã ký được hợp đồng cung cấp VLCT cho khách hàng, đem lại nguồn thu trong tương lai.

Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Văn phòng công ty	Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Chi nhánh miền Nam	Hồ Chí Minh	Xây dựng và kinh doanh bất động sản

Khả năng so sánh của thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Các thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các kỳ kế toán.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty;

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Thời gian phân bổ các loại chi phí trả trước
- Ước tính chi phí phải trả
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	42 năm
- Máy móc, thiết bị khác	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 10 năm

2.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 42 năm

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng.

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 03 năm.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Chi phí các dự án, công trình xây dựng được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Tiền lãi vay;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và các hoạt động xây lắp phụ trợ; các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.704.099.868	1.691.669.835
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.089.342.845	1.117.612.040
Các khoản tương đương tiền (i)	11.000.000.000	10.500.000.000
	16.793.442.713	13.309.281.875

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 11.000.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất 3,84%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn	30.700.000.000	-	43.773.589.041	-
	30.700.000.000	-	43.773.589.041	-

Tại ngày 30/06/2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị 30.700.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP với lãi suất 5,15%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Mã CK	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP SDP SDP	300.000.000	-	300.000.000	-
	300.000.000	-	300.000.000	-

Đây là số cổ phiếu mà Công ty nhận ủy thác từ các cá nhân trước đây từng làm việc tại Công ty theo các hợp đồng ủy thác. Theo đó, các cá nhân này chuyển tiền để Công ty thực hiện giao dịch mua bán cổ phiếu, phần lãi (lỗ) từ khoản đầu tư chứng khoán sẽ trực tiếp thuộc về các cá nhân nêu trên. Do đó, Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của các khoản đầu tư tài chính này. Số tiền Công ty nhận ủy thác của các cá nhân được theo dõi trên khoản mục "Phải trả khác" (chi tiết tại thuyết minh 18), cụ thể như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
Lê Văn Sinh	75.000.000	75.000.000
Trần Anh Đức	75.000.000	75.000.000
Trần Quốc Trường	150.000.000	150.000.000
	300.000.000	300.000.000

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Tây Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	22.100.000.000	(4.246.804.732)	22.100.000.000	(4.260.203.991)
Công ty CP Đầu tư Hải Đăng	328.000.000	(59.535.687)	328.000.000	(59.535.687)
Công ty CP khách sạn Lam Kinh	20.000.000.000	(20.000.000.000)	20.000.000.000	(20.000.000.000)
Công ty CP PEC Hà Nội (i)	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
	48.428.000.000	(27.306.340.419)	48.428.000.000	(27.319.739.678)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(i) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần PEC Hà Nội (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí) với số tiền là 3 tỷ VND, tương đương 6% vốn điều lệ tại Công ty này. Theo Nghị quyết số 05/NQ-DKĐĐ-HĐQT ngày 20/03/2013 của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ tìm đối tác chuyển nhượng số cổ phần trên để thu hồi vốn trong thời gian ngắn nhất. Hiện tại công ty đang hoàn thiện thủ tục phá sản, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng 100% đối với khoản đầu tư này.

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Tây Hà Nội	Ngõ Máy Kéo, Khu Liên Cơ, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	11,90%	11,90%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Số 33 Hai Bà Trưng, Lê Hồng Phong, Quảng Ngãi	6,05%	6,05%	Xây dựng công nghiệp và dân dụng trong và ngoài ngành dầu khí, buôn bán các mặt hàng trong ngành xây dựng, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Hải Đăng	Số 44-46 Lê Thánh Tôn, phường Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa	6,56%	6,56%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Khu đô thị Đông Hương, phường Đông Hương, TP. Thanh Hóa	10,50%	10,50%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Công ty CP PEC Hà Nội	Tầng 13, tòa nhà HH3, khu đô thị Mỹ Đình Sông Đà, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	6,00%	6,00%	Xây dựng

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	21.304.298.701	(200.000.000)	21.320.128.214	(200.000.000)
Công ty CP Đầu tư Song Kim	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
Công ty CP Địa ốc Phú Long (ii)	7.830.000.000	-	7.830.000.000	-
Ban Điều Hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	9.091.229.572	-	9.107.059.085	-
Chi nhánh phía Bắc - Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.453.487.908	-	2.453.487.908	-
Ban điều hành các dự án PVC tại phía Nam - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.331.703.392	-	1.331.703.392	-
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí	397.877.829	-	397.877.829	-
Bên khác	44.765.941.434	(5.225.255.782)	42.686.966.173	(5.225.255.782)
Công ty CP TID (i)	19.604.536.064	(2.156.107.213)	19.604.536.064	(2.156.107.213)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tiến Lộc (ii)	3.450.000.000	-	3.450.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm (ii)	1.897.500.000	-	1.897.500.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	1.323.901.110	-	4.823.901.110	-
Các khách hàng khác	18.490.004.260	(3.069.148.569)	12.911.028.999	(3.069.148.569)
	66.070.240.135	(5.425.255.782)	64.007.094.387	(5.425.255.782)

(i) Khoản phải thu tiền hoa hồng môi giới liên quan đến hợp đồng cung cấp dịch vụ môi giới số 239/HDDV/TID-PVFC Land ngày 09/08/2010 và Phụ lục 01 kèm theo thuộc Dự án Dolphin Plaza ký giữa Sàn giao dịch bất động sản của Công ty với Công ty Cổ phần TID ("TID"). Tỷ lệ hoa hồng môi giới Công ty được hưởng là 10% trên giá trị mua bán căn hộ trước thuế. Trong đó, TID sẽ thanh toán trước theo tiến độ nộp tiền của khách hàng tương ứng tỷ lệ 2%, phần còn lại sẽ được thanh toán khi quyết toán dự án. Theo Biên bản làm việc ngày 03/03/2020, TID sẽ thực hiện thống nhất số liệu, hoàn thành công tác kiểm toán dự án Dolphin Plaza. Đến thời điểm 30/06/2024, dự án vẫn chưa quyết toán, do đó Công ty trích lập dự phòng cho khoản phải thu tương ứng với 2% giá trị mua bán căn hộ đã ký hợp đồng.

(ii) Khoản phải thu về giá trị thương quyền theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 61/2009/BCC ngày 25/12/2009 mà Công ty phải thu của ba đơn vị này khi quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 của Dự án Tòa nhà Văn phòng tại số 160 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ("Dự án") được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hoặc khi Dự án được cấp phép đầu tư.

Tuy nhiên, Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long đã ký hợp đồng số 01/HĐCN/DKĐĐ-PL ngày 04/01/2017 về việc chuyển nhượng quyền vốn góp của Công ty tại dự án này sang cho Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long. Theo đó, Công ty Cổ phần Phú Long cam kết sẽ thanh toán 50% phần giá trị thương quyền còn lại của ba đơn vị cho Công ty sau khi Nhà in báo Nhân dân (Chủ đầu tư) ký hợp đồng hợp tác trực tiếp với Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (hoặc một pháp nhân do Phú Long chỉ định), 50% còn lại sau khi quy hoạch 1/500 của Dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đến thời điểm hiện tại, do dự án đang phải điều chỉnh quy hoạch (về chiều cao và số tầng thương mại) và đang trình hồ sơ tại Sở Quy hoạch Kiến trúc nên Công ty vẫn chưa được thanh toán phần giá trị thương quyền còn lại.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	16.165.900.000	-	16.165.900.000	-
Công ty CP GEOVIETNAM (i)	16.165.900.000	-	16.165.900.000	-
Bên khác	2.223.727.468	(600.564.800)	2.195.243.468	(600.564.800)
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Sông Đà Thăng Long	520.000.000	(520.000.000)	520.000.000	(520.000.000)
Các khách hàng khác	1.703.727.468	(80.564.800)	1.675.243.468	(80.564.800)
	18.389.627.468	(600.564.800)	18.361.143.468	(600.564.800)

(i) Khoản tiền đã trả cho Công ty Cổ phần GEOVIETNAM để đặt cọc giữ chỗ theo Hợp đồng đặt cọc giữ chỗ số 3011/2021/HĐĐKĐC-GEO-DKĐĐ ngày 30/11/2021, Hợp đồng đặt cọc giữ chỗ số 28.2022/HĐĐKĐC/GEO-DKĐĐ ngày 25/11/2022 và Hợp đồng đặt cọc giữ chỗ số 1723/2023/HĐĐKĐC/GEO-DKĐĐ thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn 6, xã Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

7 PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về tạm ứng	17.161.241.367	-	16.424.060.487	-
Ký cược, ký quỹ	243.567.500	-	201.367.500	-
Phải thu khác	8.260.621.203	(7.497.691.946)	15.849.595.009	(13.301.343.250)
- Công ty CP Hasky(i)	2.196.348.696	(2.196.348.696)	8.000.000.000	(8.000.000.000)
- Ứng vốn cho dự án liên doanh với Công ty CP Thiên Phúc Gia (ii)	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
- Phải thu về lãi tiền gửi	175.602.054	-	2.010.178.556	-
- Các khoản phải thu khác	888.670.453	(301.343.250)	839.416.453	(301.343.250)
	25.665.430.070	(7.497.691.946)	32.475.022.996	(13.301.343.250)

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty CP Hasky (i)	2.196.348.696	(2.196.348.696)	8.000.000.000	(8.000.000.000)
Công ty CP Thiên Phúc Gia (ii)	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Nguyễn Xuân Cường	2.944.489.526	-	2.944.489.526	-
Nguyễn Mạnh Hùng	2.466.825.558	-	2.466.825.558	-
Các đối tượng khác	13.057.766.290	(301.343.250)	14.063.707.912	(301.343.250)
	<u>25.665.430.070</u>	<u>(7.497.691.946)</u>	<u>32.475.022.996</u>	<u>(13.301.343.250)</u>

(i) Đây là khoản phải thu Công ty Cổ phần Hasky (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hòa Bình) theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 60/2017/BBTL ngày 25/08/2017. Cụ thể:

- Công ty đã rút vốn khỏi dự án "Khu du lịch sinh thái và dịch vụ Cừu Long" và Công ty Cổ phần Hasky chấp nhận trả toàn bộ số tiền 46 tỷ VND mà Công ty đã góp vào dự án.
- Trong kỳ Công ty đã thu được của Công ty Cổ phần Hasky 5,8 tỷ VND. Số dư còn phải thu tại ngày 30/06/2024 liên quan đến dự án này là 2,2 tỷ VND.

Theo biên bản làm việc ngày 03/04/2024 giữa công ty CP dầu khí Đông Đô và Công ty CP Hasky, hai bên đã thống nhất kế hoạch thanh toán công nợ 2,2 tỷ như sau:

- Từ ngày ký biên bản đến 31/12/2024 thanh toán 800.000.000 VND
- Trước ngày 30/06/2025 thanh toán 1.121.600.000 VND

- Khoản nợ 274.748.696 VND còn lại Công ty CP Hasky có trách nhiệm phối hợp các bên để bù trừ công nợ này khi Chủ đầu tư dự án có thông báo nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

(ii) Đây là khoản phải thu về ứng vốn liên doanh với Công ty CP Thiên Phúc Gia theo biên bản hợp tác ngày 29/11/2007. Ngày 30/05/2008, Công ty đã gửi công văn số 73/CV-BĐS TCDK - ĐT về việc nhắc nhở ngày tới hạn để thực hiện các nghĩa vụ tại Biên bản hợp tác.

Ngày 06/07/2008 và ngày 11/09/2008, Công ty Thiên Phúc Gia đã có công văn trả lời công văn số 73/CV-BĐS TCDK - ĐT nêu trên, nội dung về việc báo cáo tình hình thực hiện dự án và xin gia hạn về thời gian hoàn thiện thủ tục.

Ngày 16/09/2008, hai bên đã tiến hành họp và Công ty đã thể hiện quan điểm cụ thể như sau: "yêu cầu Công ty CP Hoàng Liên (nay là Công ty CP Thiên Phúc Gia) hoàn trả lại cho PVFC Land (nay là Công ty CP Dầu Khí Đông Đô) số tiền đã tạm ứng 7.000.000.000 VND và lãi được tính từ ngày 29/11/2007 theo lãi suất tiền gửi 06 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày thanh toán."

Sau đó, Công ty CP dầu khí Đông Đô đã gửi rất nhiều công văn để yêu cầu Công ty CP Thiên Phúc Gia hoàn trả tiền tạm ứng. Tuy nhiên, từ thời điểm Công ty CP Dầu khí Đông Đô gửi công văn đầu tiên là ngày 22/09/2008 đến ngày 12/09/2019 để yêu cầu Công ty Thiên Phúc Gia hoàn trả tiền tạm ứng thì Công ty Thiên Phúc Gia chỉ mới hoàn trả số tiền 2.000.000.000 VND (hai tỷ đồng) trên tổng số tiền tạm ứng nêu trên. Số tiền tạm ứng còn lại mà Công ty Thiên Phúc Gia còn nợ Công ty CP Dầu khí Đông Đô là 5.000.000.000 VND (năm tỷ đồng).

Đến nay công ty CP Thiên Phúc Gia vẫn chưa hoàn trả khoản tiền 5 tỷ VND cho công ty CP Dầu khí Đông Đô.

Ngày 23/02/2024, Tòa án nhân dân quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra thông báo số 06/2024/QĐXXST-KDTM quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 94/TB-TLVA ngày 21/07/2023 về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Ngày 13/05/2024, Tòa án nhân dân quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra bản án số 11/2024/KDTM-ST về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh. Qua đó, tòa án tuyên xử Công ty CP Thiên Phúc Gia thanh toán số tiền 11.304.072.361 VND cho công ty CP Dầu khí Đông

Đô, trong đó bao gồm số tiền gốc 5.000.000.000 VND và lãi chậm trả tiền tính từ ngày 29/11/2007 đến ngày 13/05/2014 là 6.304.072.361 VND.

Ngày 07/06/2024, Tòa án nhân dân quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận đơn đơn kháng cáo của Công ty CP Thiên Phúc Gia. Đến ngày 18 tháng 06 năm 2024, Công ty nhận được thông báo về việc kháng cáo số 18/2024/TB-TA từ Tòa án nhân dân quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty CP Thiên Phúc Gia yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa án sơ thẩm, tuyên Công ty Cổ phần Thiên Phúc Gia miễn toàn bộ tiền lãi.

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng				
Công ty CP TID	19.604.536.064	17.448.428.851	19.604.536.064	17.448.428.851
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	1.458.245.941	-	1.458.245.941	-
Các đối tượng khác	1.810.902.628		1.810.902.628	
b) Trả trước người bán				
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Sông Đà Thăng Long	520.000.000	-	520.000.000	-
Các đối tượng khác	80.564.800	-	80.564.800	-
c) Phải thu khác				
Công ty CP Hasky	2.196.348.696	-	8.000.000.000	-
Công ty CP Thiên Phúc Gia	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Việt	301.343.250	-	301.343.250	-
	30.971.941.379	17.448.428.851	36.775.592.683	17.448.428.851

9 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.354.546	-	21.061.761	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	60.430.692.766	-	62.801.895.749	-
Hàng hoá	6.312.054.216	-	2.723.698.046	-
- Căn hộ	3.867.222.876	-	1.745.700.000	-
- Hàng hóa khác	2.444.831.340	-	977.998.046	-
	66.761.101.528	-	65.546.655.556	-

(i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 (1)	22.853.938.499	24.213.932.826
- Dự án Nhiệt điện sông Hậu 1 (2)	16.345.262.544	15.597.859.544
- Dự án Chung cư Trần Anh - Long An (3)	18.206.199.150	18.160.509.541
- Các dự án khác	3.025.292.573	4.829.593.838
	<u>60.430.692.766</u>	<u>62.801.895.749</u>

(1) Công ty đã ký hợp đồng thi công xây lắp với Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) bao gồm 03 hợp đồng là Hợp đồng số 0101/HĐTC/CNPB-PVC Đông Đô ngày 16/06/2015, Hợp đồng số 32/2016/HĐKT/PVC/PVC Đông Đô và Hợp đồng số 38/2016/HĐKT/PVC/PVC Đông Đô ngày 25/07/2016, trong đó:

- Phạm vi công việc: Xây dựng nhà điều khiển, gia cố tuyến đê và các công trình phụ trợ;
- Tổng giá trị các hợp đồng: 169.236.587.336 VND;
- Tiến độ thi công: Đã thực hiện được trên 50% giá trị theo Hợp đồng;
- Tình trạng dự án: Hiện công trình đã thi công giai đoạn cuối, công ty đang trong quá trình quá trình quyết toán.

(2) Công ty đã ký hợp đồng số XD02C/SH1-PVC-PVC.Đông Đô ngày 10/10/2016 với Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), trong đó:

- Phạm vi công việc: Gia công lắp dựng cốt thép móng, các hạng mục bê tông sàn và một số hạng mục phụ khác;
- Tổng giá trị hợp đồng: 24.153.652.936 VND;
- Tiến độ thi công: Đã hoàn thành.
- Tình trạng dự án: Dự án phát sinh một số hạng mục ngoài dự toán ban đầu không có trong thiết kế, đang trong quá trình quyết toán phần khối lượng ngoài hợp đồng.

(3) Công ty đã ký các Hợp đồng thi công xây lắp với Công ty Cổ phần Bất động sản Trần Anh Long An, trong đó:

- Phạm vi công việc: Xây dựng nhà phố thương mại và Block chung cư;
- Tổng giá trị hợp đồng: 107.156.841.708 VND;
- Tiến độ thi công: Đã hoàn thành.
- Tình trạng dự án: Dự án đang trong quá trình quyết toán với chủ đầu tư.

Tính đến ngày 30/06/2024, hợp đồng và dự toán cho các công trình này vẫn đang được xem xét, điều chỉnh nên Ban Giám đốc Công ty chưa đánh giá được các công trình này có cần thiết phải trích lập dự phòng hay không.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	81.266.398	36.944.760
Công cụ dụng cụ xuất dùng	55.174.242	5.700.015
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	63.169.996	32.154.782
	<u>199.610.636</u>	<u>74.799.557</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	124.423.713	156.009.322
Chi phí sửa chữa	626.696.441	816.179.653
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.818.181	-
	<u>761.938.335</u>	<u>972.188.975</u>

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm	15.215.424.248	2.655.658.889	3.824.891.419	3.743.571.741	25.439.546.297				
- Mua trong kỳ	-	120.370.370	-	-	120.370.370				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(351.000.000)	-	-	(351.000.000)				
Số dư cuối kỳ	15.215.424.248	2.425.029.259	3.824.891.419	3.743.571.741	25.208.916.667				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	3.909.654.195	936.287.084	3.824.891.419	3.743.571.741	12.414.404.439				
- Khấu hao trong kỳ	156.493.146	269.678.238	-	-	426.171.384				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(351.000.000)	-	-	(351.000.000)				
Số dư cuối kỳ	4.066.147.341	854.965.322	3.824.891.419	3.743.571.741	12.489.575.823				
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	11.305.770.053	1.719.371.805	-	-	13.025.141.858				
Tại ngày cuối kỳ	11.149.276.907	1.570.063.937	-	-	12.719.340.844				

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 7.981.463.160 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 7.568.463.160 VND).

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm với Nguyên giá là 140.846.000 VND, tài sản này đã khấu hao hết.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Văn phòng cho thuê VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	28.512.564.408	28.512.564.408
- Mua trong kỳ	20.080.425.589	20.080.425.589
- Giảm do chuyển sang hàng tồn kho	(2.100.000.000)	(2.100.000.000)
Số dư cuối kỳ	46.492.989.997	46.492.989.997
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	4.952.044.292	4.952.044.292
- Khấu hao trong kỳ	340.433.792	340.433.792
- Giảm do chuyển sang hàng tồn kho	(56.875.000)	(56.875.000)
Số dư cuối kỳ	5.235.603.084	5.235.603.084
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	23.560.520.116	23.560.520.116
Tại ngày cuối kỳ	41.257.386.913	41.257.386.913

Bất động sản đầu tư đang cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động. Trong kỳ, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 1.134.293.964 VND (6 tháng đầu năm 2023 là 813.848.114 VND) (Thuyết minh 23).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 06 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Góp vốn đầu tư vào Dự án Dolphin Plaza (i)	26.233.304.440	27.233.304.440
	26.233.304.440	27.233.304.440

(i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh 0211/2010/HĐHTKD ngày 02/11/2010 ký giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID ("TID"):

- Mục đích đầu tư: Xây dựng công trình Dolphin Plaza tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội;
- Tổng giá trị hợp đồng: 268.706.631.405 VND, trong đó vốn góp giá trị quyền sử dụng đất là 189.793.800.000 VND và góp bằng tiền là 79.033.520.990 VND;
- Hình thức góp vốn:
 - + Theo cam kết trong hợp đồng, Công ty sẽ góp 51.054.259.967 VND. Trong đó, giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng lô đất là 36.060.822.000 VND và giá trị vốn bằng tiền là 14.993.437.967 VND tương ứng với tỷ lệ 19% khoản vốn góp bằng tiền vào dự án;
 - + Ngày 18/01/2015, Công ty đã ký kết Phụ lục số 03 kèm theo của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD với TID để rút một phần vốn góp với giá trị 13.953.720.233 VND khỏi dự án dẫn đến tỷ lệ vốn bằng tiền còn lại là 1,6% và tổng giá trị vốn góp còn lại tại Dự án là 37.100.539.734 VND;
 - Phân chia lợi ích: Công ty được chia 1,6% lợi nhuận kinh doanh từ khai thác dự án;

- Thanh toán:

+ Công ty đã nhận chuyển nhượng 154 m² phần diện tích khu dịch vụ thương mại trị giá 3.527.682.675 VND từ TID theo Phụ lục số 04 của Hợp đồng chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại số DP/HĐ/TID-PVFC Land ký ngày 18/01/2017. Số tiền này được thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh ban đầu (khoản rút vốn 13.953.720.233 VND đã nêu trên, thực thu về bằng tiền là 10.426.037.558 VND).

+ Ngày 23/12/2022, Công ty đã nhận 3 căn hộ với tổng trị giá 9.867.235.294 VND theo biên bản thỏa thuận về xử lý nghĩa vụ thanh toán số 5010-3/2022/ĐĐ-HP-TID, 5000-3/2022/ĐĐ-HP-TID và 4990-1/2022/ĐĐ-HP-TID ngày 23/12/2022. Giá trị 3 căn hộ này được thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh ban đầu.

+ Ngày 16/01/2024 và ngày 05/02/2024 Công ty đã nhận được 500.000.000 VND mỗi lần.

- Tình trạng dự án: Tính đến 30/06/2024, Dự án Dolphin Plaza chưa bán hết các căn hộ và chưa quyết toán. Vì vậy, Công ty chưa nhận được kết quả phân chia chính thức từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan	341.888.027	341.888.027	341.888.027	341.888.027
Công ty CP Địa ốc Phú Long	341.888.027	341.888.027	341.888.027	341.888.027
Bên khác	30.399.750.301	30.399.750.301	25.971.215.733	25.971.215.733
Công ty CP TID	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thiết Bị điện Hùng Vương	4.224.877.396	4.224.877.396	4.374.877.396	4.374.877.396
Công ty TNHH Thương mại và xây dựng 769	307.543.667	307.543.667	307.543.667	307.543.667
Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng và Thương mại Dịch vụ Lâm Hải	1.575.272.010	1.575.272.010	1.625.272.010	1.625.272.010
Công ty CP Xây dựng Toàn Việt	1.927.460.018	1.927.460.018	-	-
Các người bán khác	14.840.366.752	14.840.366.752	12.139.292.202	12.139.292.202
	30.741.638.328	30.741.638.328	26.313.103.760	26.313.103.760
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty CP TID	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thiết Bị điện Hùng Vương	4.224.877.396	4.224.877.396	4.374.877.396	4.374.877.396
Các đối tượng khác	12.149.324.703	12.149.324.703	11.903.440.424	11.903.440.424
	23.898.432.557	23.898.432.557	23.802.548.278	23.802.548.278

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP Bất động Sản Trần Anh Long An (i)	6.329.410.934	6.329.410.934
Công ty CP Mặt dựng CAG	2.208.887.050	-
Ông Nguyễn Duy Sơn và Bà Trần Thị Thắm (ii)	2.793.000.000	-
Công ty CP Xây dựng BGI	13.854.500	-
	11.345.152.484	6.329.410.934

(i) Đây là khoản tiền ứng trước thi công cho công trình Xây dựng nhà phố thương mại và Block chung cư (xem thêm tại thuyết minh số 9)

(ii) Khách hàng ứng trước tiền mua Căn hộ 5B/1a tầng 4 tòa nhà Dolphin Plaza.

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí các dự án, công trình xây dựng	4.737.327.255	5.274.748.635
	4.737.327.255	5.274.748.635

18 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	385.320.468	348.732.155
Bảo hiểm xã hội	200.300.811	301.292.512
Bảo hiểm y tế	15.628.500	14.418.000
Bảo hiểm thất nghiệp	6.946.000	6.408.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.384.836.636	1.095.836.636
Cổ tức lợi nhuận phải trả	44.279.697.569	44.279.697.569
Các khoản phải trả, phải nộp khác	868.849.616	767.630.162
- <i>Nhận tiền ủy thác mua cổ phiếu (i)</i>	300.000.000	300.000.000
- <i>Các khoản phải trả khác</i>	568.849.616	467.630.162
	49.141.579.600	46.814.015.034
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Tiền cổ tức phải trả	44.279.697.569	44.279.697.569
	44.279.697.569	44.279.697.569
c) Trong đó: Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.824.971.408	2.824.971.408
	2.824.971.408	2.824.971.408

(i) Chi tiết đã được trình bày tại thuyết minh số 4b.

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.044.800	-	-	-	85.044.800	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	67.401.674	(19.077.666)	36.596.842	-	11.727.166
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	90.570.786	90.570.786	-	-
	85.044.800	67.401.674	71.493.120	127.167.628	85.044.800	11.727.166

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 VAY NGÂN HẠN

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	380.061.890	380.061.890	-	380.061.890	-	-
	380.061.890	380.061.890	-	380.061.890	-	-

Hợp đồng vay giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Công ty CP Dầu khí Đông Đô có lãi suất 12%/năm, thời hạn cho vay 6 tháng, hình thức bảo đảm là tín chấp với mục đích bổ sung vốn lưu động.

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô

Tầng 2, tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Báo cáo tài chính giữa niên độ**21 VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	18.344.727.377	5.531.782.406	(296.644.862.060)	227.231.647.723	
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	(2.585.610.791)	(2.585.610.791)	
Số dư cuối kỳ trước	500.000.000.000	18.344.727.377	5.531.782.406	(299.230.472.851)	224.646.036.932	
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	18.344.727.377	-	(296.499.221.950)	221.845.505.427	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	415.229.888	415.229.888	
Số dư cuối kỳ này	500.000.000.000	18.344.727.377	-	(296.083.992.062)	222.260.735.315	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	174.334.750.000	34,87	174.334.750.000	34,87
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	33.960.000.000	6,79	33.960.000.000	6,79
Các cổ đông khác	291.705.250.000	58,34	291.705.250.000	58,34
	500.000.000.000	100	500.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	500.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	44.279.697.569	44.279.697.569
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	44.279.697.569	44.279.697.569

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.344.727.377	18.344.727.377
	18.344.727.377	18.344.727.377

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2024, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	1.868.275.790	1.267.963.644
Từ 1 năm đến 5 năm	3.448.909.126	1.998.663.652

23 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	7.363.704.537	8.087.592.390
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà ở	1.134.293.964	813.848.114
Doanh thu khác	614.940.676	1.165.856.456
	9.112.939.177	10.067.296.960
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	-	1.447.109.571

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	9.134.999.355	8.617.645.473
Giá vốn cho thuê văn phòng, nhà ở	597.895.057	437.056.538
Giá vốn khác	516.940.861	1.088.188.312
	10.249.835.273	10.142.890.323
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	-	14.350.406

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.007.036.030	2.216.292.260
	1.007.036.030	2.216.292.260

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.724.336	4.953.825
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(13.399.259)	-
	(11.674.923)	4.953.825

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.066.600	133.514.581
	18.066.600	133.514.581

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.913.406.930	3.810.775.867
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	183.631.887	34.843.464
Chi phí khấu hao tài sản cố định	310.026.093	418.266.457
Thuế, phí và lệ phí	4.226.365	9.080.000
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(5.803.651.304)	(500.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	514.052.412	420.542.103
Chi phí khác bằng tiền	401.316.770	449.841.375
	(476.990.847)	4.643.349.266

29 THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	90.909.091	-
Thu nhập khác	20.082	88.023.838
	90.929.173	88.023.838

30 CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tiền bồi thường hợp đồng	11.000.000	-
Tiền chậm nộp bảo hiểm	5.438.389	32.515.854
	16.438.389	32.515.854

31 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	415.229.888	(2.585.610.791)
Các khoản điều chỉnh tăng	5.438.389	32.515.854
- <i>Phạt chậm nộp bảo hiểm</i>	5.438.389	32.515.854
Chuyển lỗ	(420.668.277)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(85.044.800)	(85.044.800)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(85.044.800)	(85.044.800)

32 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	415.229.888	(2.585.610.791)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	415.229.888	(2.585.610.791)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8	(52)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.630.109.725	891.389.533
Chi phí nhân công	4.251.456.667	4.483.668.675
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	306.726.005	116.085.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	766.605.176	808.377.236
Thuế, phí và lệ phí	4.226.365	9.080.000
Chi phí dự phòng	(5.803.651.304)	(500.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.165.487.408	4.356.324.488
Chi phí khác bằng tiền	441.382.414	480.369.244
	8.762.342.456	10.645.294.917

34 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

35 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Chi nhánh phía Bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Ban điều hành các dự án PVC tại phía Nam - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty CP GEOVIETNAM	Thành viên HĐQT Công ty là người đại diện pháp luật của Công ty CP
Công ty CP Kết Cấu kim loại và lắp máy dầu khí	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư Song Kim	Cổ đông sáng lập
Công ty CP Địa ốc Phú Long	Cổ đông sáng lập

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	1.447.109.571
Ban Điều Hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	-	1.447.109.571
Mua hàng hóa dịch vụ	-	14.350.406
Ban Điều Hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	-	14.350.406

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	159.715.000	206.227.703
Ông Phan Minh Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	177.082.000	218.354.850
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	151.529.000	180.516.280
Ông Nguyễn Khánh Trung	Thành viên HĐQT	18.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Minh Đông	Thành viên HĐQT	18.000.000	27.000.000
Ông Ngô Duy Chính	Phó giám đốc	127.992.000	165.575.512
Bà Nguyễn Thị Tâm	Trưởng ban Kiểm soát	125.195.000	157.312.103
Bà Lê Thị Hải Hà	Kiểm soát viên	9.000.000	13.500.000
Bà Đỗ Nguyễn Lan Châu	Kiểm soát viên	9.000.000	3.300.000
Ông Bùi Hồng Thái	Kế toán trưởng	124.155.000	163.828.761

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

36 SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.



Lê Thị Nguyên
Người lập biểu



Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng

Phan Minh Tâm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024